

dụng nhân dân cơ sở chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân
hàng Nhà nước số 898/2003/QĐ-
NHNN ngày 12/8/2003 về việc ban
hành Quy chế chiết khấu, tái
chiết khấu của Ngân hàng Nhà
nước đối với các ngân hàng.**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số
01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật Các tổ
chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/
QH11 ngày 17/6/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 86/NĐ-CP ngày 05/11/2002
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan
ngang Bộ;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng
Nhà nước đối với các ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành
sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay
thế Quyết định số 906/2002/QĐ-NHNN ngày
26/8/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về
việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu
của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín
dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng
Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà
nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ
tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám
đốc) các ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

PHÙNG KHẮC KẾ

**QUY CHẾ chiết khấu, tái chiết khấu
của Ngân hàng Nhà nước đối với
các ngân hàng**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 898/2003/
QĐ-NHNN ngày 12/8/2003 của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước).*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp
dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghiệp

vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng, nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

2. Các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu, tái chiết khấu (sau đây gọi tắt là ngân hàng) là các ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá

Chiết khấu, tái chiết khấu (sau đây gọi chung là chiết khấu) giấy tờ có giá của các ngân hàng là nghiệp vụ Ngân hàng Nhà nước mua các giấy tờ có giá còn thời hạn thanh toán, mà các giấy tờ có giá này các ngân hàng đã mua trên thị trường sơ cấp hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp.

Điều 3. Lãi suất chiết khấu

Lãi suất chiết khấu là lãi suất Ngân hàng Nhà nước áp dụng để tính số tiền thanh toán khi thực hiện chiết khấu giấy tờ có giá. Lãi suất chiết khấu do Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố, phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Điều 4. Hình thức chiết khấu

1. Chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá: Ngân hàng Nhà nước mua hẳn giấy tờ có giá của các ngân hàng theo giá chiết khấu.

2. Chiết khấu có kỳ hạn: Ngân hàng Nhà nước chiết khấu kèm theo yêu cầu ngân hàng cam kết mua lại toàn bộ giấy tờ có giá đó sau một thời gian nhất định. Kỳ hạn chiết khấu tối đa là 91 ngày.

Điều 5. Các giấy tờ có giá được chiết khấu

1. Các giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu bao gồm tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các loại giấy tờ có giá khác được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

2. Các loại giấy tờ có giá nêu tại khoản 1 của điều này được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:

a) Trường hợp chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá: Thời hạn còn lại tối đa của giấy tờ có giá là 91 ngày;

b) Trường hợp chiết khấu có kỳ hạn: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá phải dài hơn thời hạn Ngân hàng Nhà nước chiết khấu;

c) Các giấy tờ có giá được phát hành bằng đồng Việt Nam (VNĐ) và có thể chuyển nhượng được.

Điều 6. Hạn mức chiết khấu

Hạn mức chiết khấu là mức chiết khấu tối đa, tính theo số dư, của Ngân hàng Nhà nước cho một ngân hàng tại mọi thời điểm trong quý.

1. Căn cứ vào mục tiêu của chính sách tiền tệ và tổng khối lượng tiền cung ứng đã được phê duyệt, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tổng hạn mức dành cho nghiệp vụ chiết khấu trong từng thời kỳ.

2. Căn cứ vào tổng hạn mức chiết khấu, Ngân hàng Nhà nước phân bổ hạn mức chiết khấu cho từng ngân hàng theo công thức sau:

$$H = V \times S \times k$$

Trong đó:

- H: Hạn mức chiết khấu của ngân hàng

- V: Vốn tự có của ngân hàng

- S: Tỷ trọng giữa dư nợ tín dụng bằng VNĐ so với tổng tài sản có và được tính bằng công thức:

$$S = \frac{\text{Tổng dư nợ tín dụng ngắn, trung, dài hạn bằng VNĐ}}{\text{Tổng tài sản có}}$$

- k: Hệ số chiết khấu, được tính theo công thức sau:

$$k = \frac{\text{Tổng hạn mức chiết khấu}}{\sum_{i=1}^n V_i \times S_i}$$

Trong đó, V_i và S_i là vốn tự có và tỷ trọng giữa dư nợ tín dụng so với tổng tài sản có của ngân hàng thứ i .

3. Chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối quý, các ngân hàng gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) giấy đề nghị thông báo hạn mức chiết khấu kèm theo bảng cân đối tài khoản kế toán của tháng gần nhất và bảng kê giấy tờ có giá đủ điều kiện chiết khấu mà ngân hàng đang nắm giữ (kể cả những giấy tờ có giá đang được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu có kỳ hạn) để làm cơ sở xác định và thông báo hạn mức chiết khấu cho các ngân hàng trong quý tiếp theo.

4. Hàng quý, Ngân hàng Nhà nước thông báo hạn mức chiết khấu cho các ngân hàng có nắm giữ các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn chiết khấu. Phần hạn mức chiết khấu còn lại của các ngân hàng không nắm giữ các giấy tờ có giá được sử dụng làm hạn mức chiết khấu dự phòng.

5. Các ngân hàng không nắm giữ các giấy tờ

có giá nếu phát sinh việc nắm giữ giấy tờ có giá đủ điều kiện chiết khấu và có nhu cầu được chiết khấu trong quý, có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) thông báo hạn mức chiết khấu bổ sung, kèm theo bảng cân đối kế toán của tháng gần nhất và bảng kê các giấy tờ có giá để được Ngân hàng Nhà nước thông báo bổ sung hạn mức từ phần hạn mức chiết khấu dự phòng.

Điều 7. Ngày giao dịch

Ngày giao dịch trong nghiệp vụ chiết khấu là ngày làm việc, không tính ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ và nghỉ tết.

Điều 8. Phương thức thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

1. Phương thức trực tiếp: Các ngân hàng giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước.

2. Phương thức gián tiếp: Các ngân hàng giao dịch thông qua hệ thống nối mạng vi tính với Ngân hàng Nhà nước hoặc qua FAX.

Điều 9. Đơn vị thực hiện nghiệp vụ chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước

Chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước cho các ngân hàng được thực hiện tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp cần thiết, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước có thể trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là chi nhánh Ngân hàng Nhà nước được ủy quyền) thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các ngân hàng có trụ sở chính trên địa bàn:

1. Văn bản ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải quy

định rõ phạm vi ủy quyền và Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ được thực hiện theo nội dung đã được ủy quyền.

2. Việc ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiệp vụ chiết khấu được thông báo cho các ngân hàng có hội sở chính trên địa bàn để thực hiện.

Điều 10. Trình tự, thủ tục thực hiện nghiệp vụ chiết khấu

1. Các ngân hàng (trụ sở chính) có nhu cầu chiết khấu giấy tờ có giá gửi giấy đề nghị chiết khấu (theo Mẫu số 01) cho Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước được ủy quyền) vào trước 15 giờ các ngày giao dịch;

2. Căn cứ vào giấy đề nghị chiết khấu và hạn mức chiết khấu chưa sử dụng của ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định và thông báo chấp nhận (theo Mẫu số 02) hoặc thông báo không chấp nhận (theo Mẫu số 03) ngay sau khi nhận được giấy đề nghị chiết khấu của ngân hàng.

3. Trường hợp tại thời điểm thông báo hạn mức chiết khấu, số dư chiết khấu của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước lớn hơn hạn mức chiết khấu được thông báo, các khoản chiết khấu có kỳ hạn đã thực hiện trước đó vẫn được thực hiện theo cam kết. Ngân hàng Nhà nước chỉ tiếp tục thực hiện việc chiết khấu cho ngân hàng khi số dư chiết khấu nhỏ hơn hạn mức chiết khấu được thông báo của ngân hàng.

Điều 11. Các trường hợp không chấp nhận chiết khấu

1. Ngân hàng đã sử dụng hết hạn mức chiết khấu.

2. Các giấy tờ có giá không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Giấy đề nghị chiết khấu gửi Ngân hàng Nhà nước có nội dung không phù hợp với Mẫu số 01, người ký không đúng thẩm quyền.

Điều 12. Công thức xác định số tiền thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá của các ngân hàng

1. Trường hợp chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại:

$$St = \frac{Gt}{1 + \frac{Ls \times Tc}{365 \times 100}}$$

Trong đó:

St: Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu giấy tờ có giá;

Gt: Giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán;

Tc: Thời hạn còn lại (tính theo ngày) của giấy tờ có giá. Thời hạn còn lại được tính từ ngày chiết khấu đến ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá;

Ls: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu (tỷ lệ % theo năm);

365: Số ngày quy ước cho 1 năm.

2. Trường hợp chiết khấu có kỳ hạn:

a) Công thức xác định số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho các ngân hàng khi chiết khấu giấy tờ có giá (giá chiết đi) được tính theo công thức nêu tại khoản 1 điều này.

b) Công thức xác định số tiền các ngân hàng thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu (giá chiết về):

$$Gv = St \times \left[1 + \frac{Ls \times Tm}{365 \times 100} \right]$$

Trong đó:

Gv: Số tiền các ngân hàng thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu;

St: Số tiền Ngân hàng Nhà nước đã thanh toán cho ngân hàng khi chiết khấu;

Ls: Lãi suất chiết khấu tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước chiết khấu (tỷ lệ % theo năm);

Tm: Kỳ hạn chiết khấu (tính theo ngày) của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Giao, nhận giấy tờ có giá và thanh toán khi chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước.

1. Sau khi nhận được thông báo về việc chấp nhận chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng đề nghị chiết khấu tiến hành thủ tục giao nộp giấy tờ có giá và nhận tiền thanh toán của Ngân hàng Nhà nước tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước được ủy quyền trong vòng 1 ngày kể từ ngày được thông báo. Trường hợp chiết khấu có kỳ hạn, ngân hàng đề nghị chiết khấu gửi cho Ngân hàng Nhà nước cam kết mua lại giấy tờ có giá (theo Mẫu số 04) trước khi giao nộp giấy tờ có giá và nhận tiền thanh toán.

2. Khi hết thời hạn chiết khấu (trường hợp chiết khấu có kỳ hạn), các ngân hàng thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước và nhận lại giấy tờ có giá theo cam kết. Nếu hết thời hạn chiết khấu mà ngân hàng không thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước và nhận lại giấy tờ có giá thì Ngân hàng Nhà nước sẽ trích tài khoản tiền gửi của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước để thanh toán.

Trường hợp tài khoản tiền gửi của ngân hàng không đủ tiền thì Ngân hàng Nhà nước sẽ chuyển số tiền còn thiếu của ngân hàng sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn bằng 200% lãi suất chiết khấu hoặc bán các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ để thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp ngân hàng đề nghị chiết khấu không giao nộp giấy tờ có giá đúng danh mục trong thông báo chấp nhận chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước và đúng thời hạn, coi như ngân hàng đã hủy bỏ đề nghị chiết khấu. Một ngân hàng hủy bỏ đề nghị chiết khấu 2 lần thì ngân hàng đó sẽ không được tiếp tục tham gia nghiệp vụ chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày vi phạm lần thứ 2.

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định tổng hạn mức chiết khấu trong từng quý để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố lãi suất chiết khấu;

c) Phối hợp với Vụ Tín dụng trong việc cung cấp thông tin để xác định hạn mức chiết khấu cho các ngân hàng.

2. Vụ Tín dụng:

a) Trên cơ sở tổng hạn mức chiết khấu được phê duyệt, phân bổ hạn mức chiết khấu cho các ngân hàng theo quy định, chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu quý.

b) Thông báo hạn mức chiết khấu của các ngân hàng có nắm giữ các giấy tờ có giá đủ điều kiện chiết khấu cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng.

c) Thông báo hạn mức chiết khấu bổ sung cho các ngân hàng chưa được thông báo hạn mức chiết khấu mà mới phát sinh việc nắm giữ các giấy tờ có giá trong quý từ nguồn hạn mức chiết khấu dự phòng, đồng thời gửi cho Sở Giao dịch để thực hiện.

d) Bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục các giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước chiết khấu khi cần thiết;

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước:

a) Hướng dẫn quy trình cụ thể để thực hiện nghiệp vụ chiết khấu tại Sở Giao dịch và tại các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước được ủy quyền.

b) Thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các ngân hàng theo hạn mức chiết khấu đã được thông báo. Tổ chức hạch toán, giao nhận, lưu giữ và bảo quản giấy tờ có giá theo quy định.

c) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc ủy quyền cho chi nhánh Ngân

hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghiệp vụ chiết khấu đối với các ngân hàng trên địa bàn.

d) Định kỳ hàng quý tổng hợp kết quả thực hiện nghiệp vụ chiết khấu của toàn hệ thống báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Vụ Tín dụng và Vụ Chính sách tiền tệ.

4. Vụ Kế toán - Tài chính:

Hướng dẫn thực hiện hạch toán nghiệp vụ chiết khấu tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền.

5. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền:

a) Thực hiện nghiệp vụ chiết khấu đối với các ngân hàng theo phạm vi đã được ủy quyền.

b) Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện nghiệp vụ chiết khấu trên địa bàn về Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước
Phó Thống đốc

PHÙNG KHẮC KẾ

MẪU SỐ 01

TÊN NGÂN HÀNG:.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHIẾT KHẤU

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố được ủy quyền)

Tên tôi là:Chức vụ:.....
Đại diện Ngân hàng:.....
Địa chỉ:.....
Mã số Ngân hàng:.....Điện thoại:..... Fax:.....
Tài khoản tiền gửi VNĐ số:.....Tại:.....
Hạn mức chiết khấu được Ngân hàng Nhà nước phân bổ làtỷ đồng;
Hạn mức chiết khấu chưa sử dụng:.....tỷ đồng

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chiết khấu các giấy tờ có giá sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá		Giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán	Lãi suất phát hành (nếu có) %/năm	Ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá	Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (ngày)
	Tên, thời hạn, mã số của giấy tờ có giá	Hình thức (chứng chỉ, ghi sổ)				
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
.....						
Tổng cộng						

Hình thức xin chiết khấu:.....(Ghi rõ chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại hoặc chiết khấu có kỳ hạn bao nhiêu ngày)

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Quy chế chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng.

..... ngày.....thángnăm....
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

MẪU SỐ 02

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số:...../TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

THÔNG BÁO CHẤP NHẬN CHIẾT KHẤU

- Căn cứ Quy chế chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số/2003/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Căn cứ vào giấy đề nghị chiết khấu ngày..... tháng.....năm của Ngân hàng

- Căn cứ hạn mức chiết khấu của ngân hàng hiện chưa sử dụng đến thời điểm xin chiết khấu.

Ngân hàng Nhà nước đồng ý chiết khấu các giấy tờ có giá của Ngân hàng.....theo danh mục dưới đây:

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá		Giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán (đồng)	Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (ngày)	Hình thức và thời hạn chiết khấu	Lãi suất chiết khấu (%/ năm)	Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán
	Tên, thời hạn, mã số của giấy tờ có giá	Hình thức (chứng chỉ, ghi sổ)					
1	2	3	4	5	6	7	8
1.							
2.							
.....							
Tổng cộng							

Ngân hàng Nhà nước thông báo để Ngân hàng.....biết và làm các thủ tục chiết khấu theo quy định.

Nơi nhận:

- Ngân hàng.....

- Lưu Sở Giao dịch

(chi nhánh Ngân hàng

Nhà nước tỉnh, thành phố

được ủy quyền).

TL. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
 (hoặc **GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**
TỈNH, THÀNH PHỐ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

(Ký tên, đóng dấu/ký điện tử)

MẪU SỐ 03

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số:...../TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

THÔNG BÁO
KHÔNG CHẤP NHẬN CHIẾT KHẤU

- Căn cứ Quy chế chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số/2003/QĐ-NHNN ngàycủa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Căn cứ vào giấy đề nghị chiết khấu ngày tháng năm..... của Ngân hàng.....

Ngân hàng Nhà nước không chấp nhận chiết khấu các giấy tờ có giá theo đề nghị của Ngân hàng (đính kèm theo danh mục giấy tờ có giá không được chiết khấu) với tổng giá trị là:, vì các lý do sau:

1.

2.

.....

Ngân hàng Nhà nước thông báo để Ngân hàng biết.

Nơi nhận:

- Ngân hàng.....
- Lưu

TL. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(hoặc **GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**
TỈNH, THÀNH PHỐ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

(Ký tên, đóng dấu/ký điện tử)

MẪU SỐ 04

TÊN NGÂN HÀNG:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CAM KẾT MUA LẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHIẾT KHẤU

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng
Nhà nước tỉnh, thành phố được ủy quyền)

Căn cứ Thông báo số..... ngày/...../20..... của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước) về việc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chiết khấu có kỳ hạn ngày, các giấy tờ có giá của ngân hàng

Tôi là.....chức vụ....., đại diện cho Ngân hàng..... cam kết sẽ mua lại toàn bộ các giấy tờ có giá theo danh mục dưới đây vào ngày hết hạn chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước.

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá		Giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán	Ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Số tiền Ngân hàng Nhà nước thanh toán khi chiết khấu	Số tiền Ngân hàng thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước khi hết thời hạn chiết khấu
	Tên, thời hạn, mã số của giấy tờ có giá	Hình thức (chứng chỉ, ghi sổ)					
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
.....							
Tổng cộng							

Tôi xin cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước nhận lại các giấy tờ có giá trên vào ngày..... theo quy định tại Quy chế chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định./.

..... ngày.....thángnăm....

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký điện tử)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng